

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 5 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

2. Bà Thái Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị Ú, sinh năm: 1976; Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

Bị đơn: Phan Văn H, sinh năm: 1976; Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Ú trình bày: Chị và anh Phan Văn H tự nguyện chung sống với nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 06/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, chị Ú và anh H sống ly thân từ tháng 3/2018. Nay chị Ú yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh H không phải là vợ chồng; Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Ú và anh H có 02 người con chung tên là Phan Thành H, sinh ngày 04/02/1997 và Phan Thị Ngọc

Gi, sinh ngày 15/12/1998, hiện nay Thành H và Ngọc Gi đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được, nên chị Ú không có yêu cầu về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ú không có yêu cầu gì.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 5 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn là anh Phan Văn H trình bày: Anh H đồng ý theo yêu cầu của chị Ú, yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa anh và chị Ú không phải là vợ chồng; Về con chung: hiện nay con chung giữa anh và chị Ú là Phan Thành H, sinh ngày 04/02/1997 và Phan Thị Ngọc Gi, sinh ngày 15/12/1998, hiện nay Thành H và Ngọc Gi đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được, nên anh H không có yêu cầu về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Ú và Phan Văn H có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1996 trên tinh thần tự nguyện của anh chị, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, kéo dài đến tháng 3/2018 thì anh chị sống ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Ú yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh H không phải là vợ chồng. Anh H cũng yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa anh và chị Ú không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Huỳnh Thị Ú và Phan Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng chị Ú và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị Ú và anh H yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị Ú và anh H không phải vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố không công nhận chị Ú và anh H là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống chị Ú và anh H có 02 người con chung tên là Phan Thành H, sinh ngày 04/02/1997 và Phan Thị Ngọc Gi, sinh ngày 15/12/1998, hiện nay Thành H và Ngọc Gi đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được, nên chị Ú và anh H không có yêu cầu về con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Ú và anh H không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Ú phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Anh H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ú.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Huỳnh Thị Ú và anh Phan Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Ú và anh H có 02 người con chung tên là Phan Thành H, sinh ngày 04/02/1997 và Phan Thị Ngọc Gi, sinh ngày 15/12/1998. Hiện nay, hiện nay Thành H và Ngọc Gi đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được. Chị Ú và anh H không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ú và anh H không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Huỳnh Thị Ú phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị Ú được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí, Tòa án số 0000688 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Ú đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân và gia đình; Anh Phan Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên